

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/DS-ST

Ngày: 14/12/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lương Công Hạnh.

2/ Ông Lê Nghĩa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên:* Ông Trương Đức Cảnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/TLST- DS ngày 11/02/2020, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2021/QĐDS-ST ngày 16/11/2021, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; trú tại: đường N, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Minh T, sinh 1975; trú tại: đường N, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2/ *Bị đơn:* Ông Trần Quang N, sinh năm 1980; trú tại: đường T, Kp. M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Xin vắng mặt.

Địa chỉ liên lạc: đường L, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2020, đại diện của nguyên đơn trình bày:***

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang N có quan hệ mua bán quần áo. Tính đến ngày 22/01/2020, ông N còn nợ của bà H 257.000.000 đồng; ông N có viết “Giấy nợ tiền” hẹn đến 30/3/2020 sẽ trả dứt điểm nợ, hoặc nếu bán nhà sớm sẽ thanh toán nợ cho bà H.

Tại bản tự khai ngày 11/02/2020, bà Nguyễn Thị H trình bày: bà H biết được ông N đang có ý định bán ngôi nhà tại địa chỉ đường T, Khu phố M, phường P, thành phố T cho người khác nhằm tẩu tán tài sản không trả nợ cho bà H.

Vì vậy, nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện buộc ông N phải trả 257.000.000 đồng trong hợp đồng mua bán tài sản và tình lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 22/01/2020 đến nay.

** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 29/10/2020, Bị đơn trình bày:*

Tôi thừa nhận có nợ của bà Nguyễn Thị H ở đường N, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 257.000.000 đồng trong hợp đồng mua bán quần áo, theo giấy xác nhận nợ đề ngày 22/01/2020. Tôi đã chuyển trả cho bà H thông qua tài khoản của ông Võ Thành Đ là chồng của bà H; số tài khoản NN Ngân hàng Agribank, Chi nhánh quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số tiền đã trả là 227.000.000 đồng. Lần 1 vào ngày 13/7/2020, chuyển 157.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 14/7/2020, chuyển 70.000.000 đồng.

Hiện nay, tôi đang bị tai nạn xe nên không còn làm ăn được, đang nghỉ dưỡng bệnh. Số tiền còn lại là 30.000.000 đồng, tôi sẽ trả khi nào tôi hồi phục bệnh, tôi vô gặp bà H tiếp tục mua bán quần áo tôi sẽ trả. Đây xem như là số nợ gởi đầu trong làm ăn.

Trường hợp, Toà xét xử thì tôi đề nghị xử vắng mặt, không cần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải.

** Tại phiên toà:*

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thừa nhận bà H có nhận của ông N 227.000.000 đồng như bị đơn trình bày; yêu cầu bị đơn tiếp tục trả số nợ gốc còn lại và lãi theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hai bên có “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, bị đơn địa chỉ khu đất tại: Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

[2] Về hình thức hợp đồng mua bán tài sản được hai bên công nhận thể hiện bằng lời nói phù hợp với quy định tại Điều 119 và Điều 430 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung: Đối tượng của hợp đồng mua bán là quần áo. Các bên không có tranh chấp về chất lượng của tài sản mua bán; giá và phương thức thanh toán; bên bán đã giao tài sản; bên mua đã nhận tài sản được ghi nhận tại “Giấy nhận nợ” ngày 22/01/2020.

[4] Tính đến ngày 22/01/2020, ông N còn nợ của bà H 257.000.000 đồng. Hẹn đến ngày 30/3/2020 trả nợ nhưng đến hạn, ông N không trả được nợ nên vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự.

[5] Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ông N đã trả tiền cho bên bán được 02 lần: Lần 1 vào ngày 13/7/2020 chuyển 157.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 14/7/2020 chuyển 70.000.000 đồng. Tổng cộng là 227.000.000 đồng. Còn nợ lại 30.000.000 đồng. Ông N có xuất trình các chứng từ chuyển tiền, nguyên đơn thừa nhận các chứng từ này.

[6] Từ những viện dẫn trên đây, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6.1] Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 30.000.000 đồng nợ.

[6.2] Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi chậm trả, cụ thể như sau:

- Từ 31/3/2020 đến 12/7/2020: 257.000.000 đồng x 10%/ năm x 03 tháng 13 ngày = 7.353.053 đồng.

- Từ 13/7/2020 đến 14/7/2020: 100.000.000 đồng x 10% x 01 ngày = 27.397 đồng.

- Từ 14/7/2020 đến nay: 30.000.000 đồng x 10%/ năm x 01 năm 05 tháng = 4.250.000 đồng. Tổng cộng phần lãi: 11.630.450 đồng.

Tổng cộng lãi và gốc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 41.630.450 đồng.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu 2.081.522 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn 6.425.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu số 000nn ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 430; 440; 357; 468 Bộ luật dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi chậm trả: 11.630.450 đồng (Mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn bốn trăm năm mươi đồng). Tổng cộng là 41.630.450 đồng (Bốn mươi một triệu sáu trăm ba mươi nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

[2] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm khoản lãi suất theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

[3] Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu 2.081.522 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn 6.425.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu số 000nn ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hoà;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trúc Lâm